

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021**

Năm 2020 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm cuối trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 của huyện. Trong điều kiện thuận lợi được Trung ương và Tỉnh quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng gắn với các công trình, dự án trọng điểm được triển khai và đưa vào hoạt động đã tạo động lực để huyện ngày một phát triển hơn. Tuy nhiên huyện cũng đã đối mặt với không ít khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội ở địa phương, dẫn đến các chỉ tiêu còn đạt thấp so với kế hoạch, đặc biệt gây ảnh hưởng lớn đến ngành dịch vụ - du lịch vốn là thế mạnh của địa phương; tình hình khiếu nại, khiếu kiện tiếp tục tăng cao khi thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án. Tốc độ tăng trưởng nhanh đã kéo theo các vấn đề phát sinh về môi trường, khai thác tài nguyên - khoáng sản trái phép; lấn, chiếm đất rừng, đất nhà nước quản lý; xây dựng không phép, trái phép; lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè... là những thách thức không nhỏ đối với công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trước tình hình đó ngay từ đầu năm, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực; thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh vừa tăng cường phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương nên nhiều chỉ tiêu kinh tế đang từng bước chuyển dịch tốt, có dấu hiệu phục hồi nhanh; triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tình hình kinh tế - xã hội đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

1. Một số hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch tham dự các hội nghị và các cuộc họp: Tổng kết công tác tuyên truyền, xây dựng lực lượng dự bị động viên, tuyển chọn công dân nhập ngũ, giáo dục quốc phòng; Tổng kết Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố; hội nghị sơ kết Nghị quyết 35 bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; họp Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp THPT năm 2020; dự họp với Thường trực Tỉnh ủy thông qua văn kiện, nhân sự Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và dự Đại hội đảng bộ huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025; họp Ban Chỉ đạo tỉnh về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu

tỉnh Ústecký, cộng hòa Séc; làm việc với Đoàn công tác Ngân hàng thế giới tại Việt Nam về dự án quản lý nước bền vững...

Ngoài ra, Thường trực HĐND, UBND huyện trực tiếp kiểm tra hệ thống thoát nước các tuyến đường trên địa bàn huyện; Đi thăm gia đình chính sách nhân kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7; Tham gia “Ngày vì môi trường Phú Quốc”...

2. Ban hành các văn bản chỉ đạo: Trong năm, UBND huyện nhận được 11.642 văn bản đến, ban hành 15.096 văn bản các loại. Trong đó có 6.224 Quyết định, 317 Tờ trình và 8.555 văn bản hành chính khác.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Về tăng trưởng kinh tế

Giá trị sản xuất của Khu vực I và Khu vực II ước đạt 19.640 tỷ đồng, đạt 70,8% so với kế hoạch, giảm 27,79% so với cùng kỳ. Trong đó, giá trị sản xuất ở các khu vực I (nông - lâm nghiệp - thủy sản) đạt 4.403 tỷ đồng, vượt 0,36% so với kế hoạch, tăng 1,26% so cùng kỳ. Khu vực II (công nghiệp - xây dựng) đạt 15.237 tỷ đồng, đạt 65,24% so với kế hoạch, giảm 33,31% so với cùng kỳ.

2. Thương mại - du lịch và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 32.653 tỷ đồng, đạt 65,31% kế hoạch, giảm 30% so cùng kỳ. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 7.941 tỷ đồng, đạt 94,99% kế hoạch, tăng 11,13% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 9.990 tỷ đồng, đạt 54,22% so với kế hoạch, giảm 40,54% so cùng kỳ. Tổng lượt khách ước đạt 1.390.000 lượt, đạt 46,3% so với kế hoạch, giảm 51,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khách quốc tế là 195.893 lượt, đạt 19,59% kế hoạch, giảm 75,82% so với cùng kỳ.

3. Về sản xuất công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng cả năm ước đạt 15.237 tỷ đồng, đạt 65,24% so với kế hoạch, giảm 33,31% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp đạt 4.862 tỷ đồng, đạt 68,63% so với kế hoạch, giảm 30% so cùng kỳ; xây dựng đạt 10.375 tỷ đồng, đạt 63,76% kế hoạch, giảm 34,76% so với cùng kỳ. Sản phẩm tăng so cùng kỳ như: Chế biến nước mắm (30% *đạm*) ước đạt 13,098 triệu lít tăng 9,15%; Tôm khô ước đạt 439 tấn tăng 3,78; sản xuất bê tông & cấu kiện bê tông ước đạt 10,147 triệu m³ tăng 7,38% so cùng kỳ...

- Bên cạnh đó các sản phẩm giảm so cùng kỳ như: Khai thác đá ước đạt 105.000m³ giảm 30%; cá khô các loại ước đạt 1.348 tấn giảm 15,75%; Mực khô ước đạt 1.171 tấn giảm 12,61%; Mực ướp đông ước đạt 5.720 tấn giảm 5,92%; Bánh các loại ước đạt 806 tấn giảm 20% so cùng kỳ...

4. Về khai thác, nuôi trồng thủy sản

Giá trị sản xuất ngành thủy sản ước đạt 4.206 tỷ đồng, vượt 1,35% so kế hoạch, tăng 3,8% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản ước đạt 214.618 tấn, vượt 4,69% so kế hoạch, tăng 5,78% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng khai thác 213.719 tấn, vượt 4,92% so kế hoạch, tăng 5,91% so với

cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng được 896 tấn, đạt 68,92% so với kế hoạch, giảm 18,55% so với cùng kỳ.

5. Về sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 152 tỷ đồng, đạt 78,76% so với kế hoạch, giảm 37,7% so với cùng kỳ. Diện tích cây tiêu hiện có khoảng 390 ha, đạt 100% kế hoạch, không tăng giảm so với cùng kỳ; Sản lượng tiêu thu hoạch đạt 675 tấn, vượt 0,75% kế hoạch, giảm 10,6% so với cùng kỳ; trái cây các loại đạt 3.565 tấn, vượt 9,69% so với kế hoạch, giảm 14% so cùng kỳ; diện tích rau màu còn 95 ha, giảm 9,52% so cùng kỳ.

6. Công tác quản lý và bảo vệ rừng

Được tập trung chỉ đạo, thành lập nhiều Đoàn kiểm tra, truy quét chống chặt phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng; Trong năm, phối hợp tổ chức tuần tra và kiểm soát quản lý bảo vệ rừng được 913 cuộc với 4.384 lượt người tham gia. Di dời, hủy bỏ cây trồng, vật kiến trúc trái phép và tịch thu các tang vật vi phạm.

Phát hiện và xử lý 142 vụ vi phạm với tổng diện tích 322.627,27m² (09 vụ lấn, chiếm đất rừng 22.880,29m²; 58 vụ lấn, chiếm rừng 230.244,04m²; 56 vụ phá rừng 69.502,94m²; 01 vụ về quy định chung của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; 03 vụ về các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng; 01 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng; 11 vụ khai thác rừng trái pháp luật và 03 vụ về vận chuyển lâm sản trái phép).

Trong năm, trên địa bàn huyện xảy ra 32 vụ cháy rừng với tổng diện tích 404.353m² (16 vụ cháy rừng đặc dụng và 16 vụ rừng phòng hộ). Ngoài ra tham gia chữa cháy 10 vụ thuộc đất xã quản lý với diện tích 59.016,6m².

7. Về Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Tập trung xử lý vướng mắc công tác bồi thường, giải toả và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện; đã thực hiện một số phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như: Phê duyệt được 29 phương án; Xét hỗ trợ chuyển đổi nghề 07 dự án với 166 hộ. Xét duyệt nguồn gốc đất cho 11 dự án với 453 hộ; Xét tái định cư 05 dự án cho 62 hộ với 66 nền. Tổ chức bốc thăm nền tái định cư cho 242 hộ với 282 nền; Giao nền thực địa tái định cư cho 117 hộ với 148 nền. Chi trả bồi thường, hỗ trợ các phương án trong năm 2020 được 1.078 hộ với số tiền 730,6 tỷ đồng.

8. Về Tài chính

Thu ngân sách ước thực hiện 5.398 tỷ đồng, đạt 121,05% so với dự toán, tăng 1,85% so cùng kỳ. Trong đó, do Cục thế thu 1.866 tỷ đồng; (số thu phân cấp huyện quản lý 3.357 tỷ đồng, đạt 136,46% dự toán huyện quản lý, tăng 12,73% so cùng kỳ. Trong đó: số thu nội địa ước cả năm 2020 sau khi trừ tiền đất là 1.077 tỷ đồng, bằng 73,77% so với dự toán; số thu tiền đất ước cả năm 2020 là 2.280 tỷ đồng, đạt 228% so với dự toán (bao gồm tiền sử dụng đất 1.000 tỷ, đạt 200% dự toán và tiền thuê đất 1.280 tỷ, đạt 256% dự toán).

Chi ngân sách ước thực hiện là 2.183 tỷ đồng, đạt 140% so dự toán đầu năm, đạt 76,58% so với dự toán điều chỉnh, bằng 94,19% so cùng kỳ. Trong đó, Chi thường xuyên ước cả năm 2020 là 627 tỷ đồng, đạt 87,85% dự toán đầu năm, đạt 95,27% dự toán điều chỉnh, tăng 52,84% so cùng kỳ; Chi khen thưởng 2 tỷ đồng;

Chi dự phòng 8,833 tỷ đồng; Chi trợ cấp ngân sách xã 46,806 tỷ đồng; Chi thực hiện cải cách tiền lương 133 tỷ đồng.

9. Về công tác Đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng vốn đầu tư trên toàn xã hội ước đạt 23.064 tỷ đồng, giảm 20,33% so với cùng kỳ, đạt 76,88% so kế hoạch. Trong đó, vốn nhà nước đạt 2.350 tỷ đồng, vốn của các dự án ngoài nhà nước đạt 20.700 tỷ đồng, vốn nhà nước và nhân dân cùng làm đạt 14 tỷ đồng.

Tổng khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước cả năm đạt 1.363 tỷ đồng, đạt 69,78% so với kế hoạch, tăng 6,45% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn tỉnh khối lượng hoàn thành và giá trị cấp phát ước thực hiện 53,524 tỷ đồng, đạt 83,88% so kế hoạch; vốn huyện khối lượng hoàn thành và giá trị cấp phát ước thực hiện 989 tỷ đồng, đạt 66,41% so kế hoạch, bằng 94,76% so cùng kỳ.

Vốn được phép kéo dài từ năm 2019 sang năm 2020: tổng khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước cả năm là 320 tỷ đồng, đạt 100% so kế hoạch. Trong đó: Vốn tỉnh 17,880 tỷ đồng; vốn huyện 95,738 tỷ đồng; vốn huyện 801 triệu đồng; vốn tạm ứng 205 tỷ đồng.

10. Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đến nay đã có 04 xã (Gành Dầu, Cửa Cạn, Cửa Dương, Bãi Thơm) đạt 19 tiêu chí, 01 xã đạt từ 15-18 tiêu chí (xã Hàm Ninh), 03 xã đạt 10-14 tiêu chí (Xã Dương Tơ, Hòn Thơm, Thổ Châu); tổ chức khảo sát, đăng ký “tuyến đường hoa trong xây dựng nông thôn mới năm 2020 và giai đoạn 2021-2025; đăng ký danh mục vốn đầu tư phát triển năm 2021, đăng ký danh mục kế hoạch phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 gửi về Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang; Triển khai thực hiện mô hình ứng dụng năm 2020: mô hình trồng rau ăn trái trong nhà lưới; mô hình nuôi Hàu Thái Bình Dương; mô hình chuyển đổi bè nuôi cá biển truyền thống sang lồng nuôi vật liệu mới HDPE; triển khai thực hiện dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học thử nghiệm ương giống nuôi thương phẩm cá chạch lấu tuần hoàn nước tại huyện đảo Phú Quốc; Tổ chức nhiều lớp tập huấn, tọa đàm về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân trên địa bàn huyện. Tích cực vận động nhân dân hiến đất, góp tiền để xây dựng giao thông nông thôn; đã vận động xây dựng được 35 tuyến đường, với tổng chiều dài 8,3km.

11. Về Giao thông vận tải

- Khối lượng vận chuyển hàng hoá ước khối lượng vận chuyển hàng hoá trong đạt 8.894 triệu tấn, giảm 34,53% so với cùng kỳ. Vận chuyển hành khách trong năm ước được 8,837 triệu lượt người, giảm 42,96% so với cùng kỳ. Trong đó, đường bộ giảm 43,5% so với cùng kỳ; đường biển giảm 42,42% so với cùng kỳ; đường hàng không giảm 21,78% so với cùng kỳ.

12. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, quản lý đô thị và trật tự xây dựng: được tập trung, Tổ Kiểm tra 3399 của huyện tiếp tục kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến đất đai, xây dựng và môi trường trên địa bàn. Đến nay, đã kiểm tra, phát hiện 308 trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai (lấn, chiếm) với tổng diện tích 114,53ha, kết quả đã xử lý 143/308 vụ, chiếm 46% số vụ vi phạm; phát hiện 257 công trình xây dựng vi phạm với diện tích 6,3ha, kết quả đã xử lý

197/257 vụ, chiếm 76,65%. xử lý buộc trả lại hiện trạng đất, tháo dỡ các công trình xây dựng.

Thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 161 thửa với tổng diện tích 38,89 ha; giao đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ 54 trường hợp với tổng diện tích 0,82ha.

13. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Vì môi trường Phú Quốc xanh, sạch, đẹp, an toàn và văn minh” và triển khai kế hoạch thực hiện ngày vì môi trường Phú Quốc đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp và người dân trong địa bàn thực hiện dọn vệ sinh vào ngày thứ bảy đầu tiên của mỗi tháng từ đó nâng cao dần ý thức bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh của từng người dân. Trong năm, tổng khối lượng rác thu gom là 50.215 tấn, tăng 231 tấn so cùng kỳ, tổng thu phí và lệ phí trên 16,95 tỷ đồng.

14. Công tác Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh

Theo dõi, cập nhật diễn biến tình hình thời tiết, thông tin đến các cơ quan, ban ngành sẵn sàng, chủ động trong công tác phòng, chống và ứng phó kịp thời khi có thời tiết xấu diễn ra trên địa bàn huyện; hỗ trợ cho 34 hộ dân trên địa bàn huyện thiệt hại nhà ở chính do bị ảnh hưởng Bão số 2 và Bão số 5, với tổng số tiền 87 triệu đồng.

Trong năm, do ảnh hưởng của thiên tai, trên địa bàn huyện xuất hiện các cơn mưa có gió giật mạnh và kèm theo thủy triều dâng, gây ngập cục bộ một số tuyến đường trên địa bàn huyện, ngập 89 căn nhà, tốc mái 46 căn, sập 07 căn, chìm 10 tàu cá, thiệt hại về hoa màu, bè nuôi trồng thủy sản, ...ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 5,4 tỷ đồng.

II. LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Về Công tác chính sách xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và đền ơn đáp nghĩa. Tổ chức nhiều đoàn đi thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách, tổ chức họp mặt các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn huyện nhân dịp các ngày lễ, tết với 3.671 suất quà, tổng giá trị hơn 3,74 tỷ đồng; trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền trên 17,2 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí cho các nhóm đối tượng: hộ kinh doanh cá thể, người lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 cho 3.945 người với số tiền trên 4,1 tỷ đồng; bàn giao 08 căn nhà tình nghĩa (vượt 14% so với kế hoạch) và sửa chữa 02 căn nhà tình nghĩa (đạt 100% kế hoạch). Kết quả rà soát hộ nghèo năm 2020 là 125 hộ, chiếm 0,28%; hộ cận nghèo 93 hộ, chiếm 0,21% (hộ nghèo giảm 57 hộ và tăng 19 hộ, hộ cận nghèo giảm 53 hộ và tăng 35 hộ so với năm 2019). Tiếp nhận và giải quyết 2.661 hồ sơ đăng ký thất nghiệp; giới thiệu và giải quyết việc làm cho 4.132 người lao động.

2. Về công tác giáo dục

Công tác giáo dục được quan tâm thường xuyên. Cơ sở vật chất tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp, tiến hành rà soát thống kê số lượng phòng học xuống cấp và đưa vào kế hoạch đầu tư sửa chữa và xây dựng mới. Đến nay toàn huyện có 36 trường học và 04 cơ sở giáo dục (Trong đó có 08 trường mầm non, 11

trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở, 09 trường nhiều cấp học, 03 trường THPT và 01 Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp-Giáo dục Thường xuyên (ngoài ra còn có 05 trường và 36 nhóm lớp Mẫu giáo tư thục-dân lập). Năm học 2019-2020, hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,68%; Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99,76%; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT, đạt 90,8%. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp Mẫu giáo so với độ tuổi đạt 69,83%; huy động học sinh cấp tiểu học ra học đạt 99,91% (trong đó trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%); cấp THCS huy động 202 lớp với 7.565 học sinh (tăng 07 lớp với 297 học sinh so với cùng kỳ).

3. Về công tác y tế

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được tăng cường. Triển khai và thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh, đặc biệt là trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh và các khu điều trị phục vụ việc khám, xét nghiệm Covid-19, tình hình dịch bệnh trên địa bàn được kiểm soát tốt, không có ca mắc lây nhiễm trong cộng đồng. Tổ chức khám và điều trị cho 223.232 lượt người, trong đó trẻ em dưới 6 tuổi 6.034 lượt; điều trị nội trú 18.133 lượt; bệnh sốt xuất huyết xảy ra 235 trường hợp, giảm 596 trường hợp so với cùng kỳ.

4. Về Văn hoá - thông tin - thể thao

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao mừng Đảng, mừng Xuân và chào mừng các ngày Lễ lớn của đất nước. Tổ chức thành công kỷ niệm 152 năm ngày hy sinh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, 47 năm chiến thắng trở về của các chiến sĩ bị địch bắt tù đầy tại Trại giam Phú Quốc. Ban quản lý di tích Lịch sử Trại giam tù binh cộng sản Việt Nam/Phú Quốc phục vụ khoảng 10.277 đoàn khách, có 161.413 lượt khách đến tham quan, trong đó có 12.983 lượt khách người nước ngoài. Thư viện huyện phục vụ 476 lượt đọc giả.

5. Về Công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số. Hướng dẫn cho người đại diện các cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo Công văn số 225/BTG ngày 03/8/2020 của Ban Tôn giáo tỉnh; tham gia cùng Ban Tôn giáo tỉnh kiểm tra thực tế 02 nhà thờ đạo Công giáo, 01 Ban Trị sự Phật giáo Hòa hảo, thăm hỏi, chúc mừng nhân ngày Lễ Phật Đản 2020; triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Chỉ đạo các đơn vị lực lượng chức năng duy trì nghiêm trạng thái sẵn sàng chiến đấu, tham gia cứu hộ, cứu nạn. Triển khai nhiều phương án, kế hoạch bảo đảm ANTT, kịp thời ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ an toàn, tuyệt đối các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện chính trị, đặc biệt là Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh; Bố trí lực lượng bảo vệ an toàn các đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội đến

thăm và làm việc trên địa bàn huyện. Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị, khóa XII về “tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XII của Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Hoàn thành công tác tuyển quân, giao quân đủ chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo chất lượng; Tổ chức lễ tuyển quân, ra quân huấn luyện; tập huấn các đối tượng đạt 100% so với kế hoạch, kết quả đạt loại khá. Tình hình trên vùng biển tương đối ổn định.

Tội phạm trên địa bàn xảy ra 187 vụ (tăng 22 vụ); trong đó tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 121 vụ (*tăng 14 vụ*), tội phạm về kinh tế xảy ra 09 vụ (*tăng 04 vụ*), tội phạm về ma túy xảy ra 57 vụ (*tăng 16 vụ*). Xử lý, ngăn chặn 160 vụ với 174 *đối tượng* khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép. Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 11 vụ (*giảm 01 vụ so cùng kỳ*), làm chết 04 người (*không tăng giảm*), bị thương 10 người (*giảm 02 người*). Xảy ra 04 vụ cháy (*tăng 01 vụ*), làm cháy hoàn toàn 02 căn nhà, 01 nhà hàng, 01 cơ sở lưu trú, làm chết 02 người nước ngoài, bị thương 05 người (02 người nước ngoài). Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông 5.712 trường hợp với tổng số tiền trên 10,2 tỷ

Thường xuyên duy trì quan hệ với chính quyền và lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên của Campuchia, hợp tác giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc phát sinh.

2. Công tác xây dựng chính quyền - Cải cách hành chính

Về Địa giới hành chính: trình HĐND huyện thông qua chủ trương và trình UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập thành phố Phú Quốc và thành lập các phường thuộc thành phố Phú Quốc; trình HĐND huyện thông qua chủ trương sát nhập xã Hòn Thơm và thị trấn An Thới; bàn giao hồ sơ, Bản đồ địa giới hành chính thuộc Dự án 513 cho 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Công tác xây dựng chính quyền: Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã 07 trường hợp; Phó Trưởng Công an xã 02 trường hợp; điều động, bổ nhiệm 28 trường hợp; luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm 05 Chỉ huy phó BCH Quân sự xã; Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung Phó Chủ tịch UBND xã Dương Tơ, miễn nhiệm Phó Chủ tịch UBND thị trấn An Thới nhiệm kỳ 2016-2021; Phân bổ 108 chỉ tiêu biên chế cho 12 cơ quan chuyên môn; thành lập Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh huyện; giải thể 04 Hội không hoạt động; phân bổ số lượng người làm việc và số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho 34 Đơn vị sự nghiệp và 02 Hội; Ban hành Quyết định kỷ luật 05 cán bộ, công chức, viên chức; kiểm điểm trách nhiệm của 21 cá nhân nguyên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện và UBND xã, thị trấn giai đoạn 2011-2017 có các vi phạm khuyết điểm như Kết luận thanh tra số 602/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ đã nêu; kỷ luật 02 cán bộ và 01 công chức cấp xã.

Công tác cải cách hành chính: thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn

2011-2020, đặc biệt là thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Trong năm, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng UBND huyện tiếp nhận 9.038 hồ sơ, đã giải quyết 7.095 hồ sơ (trong đó đúng hạn 6.900 hồ sơ, trễ hạn 195 hồ sơ) đạt tỷ lệ 78,5%; hồ sơ yêu cầu bổ sung hoặc khách hàng yêu cầu nhận lại là 298 hồ sơ) chiếm tỷ lệ 3,3%; đang giải quyết 1.645 hồ sơ (trong đó hồ sơ còn trong hạn 160; đã quá hạn 1.485), chiếm tỷ lệ 18,2%. Mọi thủ tục đảm bảo đúng quy định pháp luật, hạn chế phiền hà cho công dân. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 tại UBND huyện Phú Quốc sang phiên bản TCVN 9001:2015 trong quản lý hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng sử dụng hộp thư điện tử của huyện để phục vụ việc trao đổi thông tin đối với các đơn vị. Đến nay, 100% cán bộ thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử để trao đổi công việc, 90% văn bản được trao đổi qua mạng.

Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện Luật khiếu nại tố cáo và công tác hòa giải ở cơ sở, chấn chỉnh việc tiếp công dân thường xuyên. Trong năm, toàn huyện tiếp được 2.686 lượt người (trong đó tiếp dân thường xuyên 2.134 lượt người; định kỳ được 156 kỳ 254 lượt và đột xuất được 298 lượt người). Tiếp nhận và giải quyết 182/242 đơn, đạt tỷ lệ 75,21%. Triển khai thực hiện xong 80/112 quyết định và thông báo kết luận có hiệu lực pháp luật, đạt tỷ lệ 71,43%.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020 Tình hình kinh tế - xã hội địa phương gặp nhiều khó khăn bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; tình hình mưa bão kéo dài làm đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, từ đó dẫn đến tình hình kinh tế - xã hội của huyện gặp nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của địa phương đều giảm mạnh so với cùng kỳ, có ngành giảm trên 30% như: Thương mại, dịch vụ và du lịch, công nghiệp, xây dựng. Tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm so với kế hoạch. Nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải thu hẹp quy mô hoặc hoạt động cầm chừng do nhu cầu giảm làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. Tình hình vi phạm về đất đai, xây dựng và khai thác khoáng sản có chiều hướng gia tăng. Đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn, nhất là nơi ở mới khi được bồi thường hỗ trợ và tái định cư. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh trên biển từng lúc còn diễn biến phức tạp. Hoạt động của một số loại tội phạm, nhất là tội phạm mang tính chất băng nhóm, có tổ chức có chiều hướng gia tăng, gây lo lắng trong nhân dân và dư luận xã hội.

Trước tình hình đó ngay từ đầu năm, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành triển khai đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm các chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Các công trình, dự án trọng điểm được tổ chức triển khai thực hiện, hoàn thiện dần kết cấu hạ tầng trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho phát triển dịch vụ du lịch. Tập trung xử lý nhiều vụ

việc vi phạm nổi cộm trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, an ninh trật tự góp phần ổn định tình hình trên địa bàn. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm thực hiện tốt hơn. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác đối ngoại được mở rộng. Bộ máy Chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thực hiện cải cách hành chính có tiến bộ hơn, hiệu quả hoạt động được nâng lên.

Phần thứ ba **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ** **PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2021 là năm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, với những điều kiện thuận lợi về tiềm năng, lợi thế sẵn có cùng với sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, của tỉnh Kiên Giang, Phú Quốc sẽ tiếp tục được tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển, bên cạnh đó Phú Quốc đã hoàn thiện đề án thành lập Thành phố Phú Quốc và đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt; các công trình dự án từ các nguồn vốn kể cả vốn đầu tư các thành phần kinh tế và trong nhân dân tiếp tục tăng cao, đặc biệt là ở lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí góp phần thu hút khách du lịch tăng cao, đặc biệt là khách quốc tế,... Tuy nhiên năm 2021, Phú Quốc cũng chịu nhiều tác động làm ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành như tình hình dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội trong nước và địa phương. Tình hình vi phạm về đất đai, xây dựng và khai thác khoáng sản tiếp tục diễn biến phức tạp; việc chuyển đổi mô hình quản lý chính quyền đô thị khi thành lập Thành phố Phú Quốc bước đầu có thể gặp khó khăn, vướng mắc; Trình độ, năng lực cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhất là cán bộ lãnh đạo. Tình hình tội phạm có chiều hướng phức tạp, gia tăng nhất tội phạm có tổ chức, bảo kê, băng nhóm sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, điều hành chung của UBND huyện.

Mục tiêu năm 2021 phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2020; tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm các giải pháp về phòng chống dịch bệnh Covid-19; tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa bảo đảm phòng chống dịch hiệu quả vừa phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ; tập trung mọi nỗ lực khắc phục khó khăn, thách thức, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp để giảm thiểu tối đa, bù đắp giảm sút kinh tế, phấn đấu đạt mục tiêu, chỉ tiêu cao nhất; chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh và thúc đẩy phát triển kinh tế sau dịch. Phát triển kinh tế phải hài hòa với phát triển văn hóa và bảo đảm an sinh xã hội, gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của Phú Quốc; đảm bảo nâng cao và ổn định sinh kế cho người dân Phú Quốc. Tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác chỉ đạo điều hành ở các lĩnh vực như: Quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, môi trường, bảo vệ rừng, an ninh trật tự... Đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh, công nghệ cao, sạch, dịch vụ biển; phát triển

nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ với trọng tâm là đẩy mạnh nuôi trồng thủy, hải sản gắn với phát triển du lịch. Tăng cường hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu và thực chất. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị, trong đó tăng cường kỷ luật kỷ cương trong thực thi công vụ ở các cấp các ngành; Nâng cao trách nhiệm với phương châm kỷ cương, quyết liệt, tinh gọn và hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách nền hành chính với mục tiêu hành động, phục vụ nhân dân. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; kiểm chế sự gia tăng về phạm pháp hình sự và các loại tội phạm.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Giá trị sản xuất Nông - lâm - thủy sản đạt 4.549 tỷ đồng, tăng 3,32%; Công nghiệp - xây dựng đạt 16.723 tỷ đồng tăng 9,76%. Trong đó nông nghiệp đạt 155 tỷ đồng, lâm nghiệp đạt 46 tỷ đồng, thủy sản đạt 4.348 tỷ đồng, công nghiệp đạt 5.340 tỷ đồng, xây dựng đạt 11.383 tỷ đồng. Chế biến nước mắm đạt 12 triệu lít (quy 30 độ đậm); sản lượng tiêu đạt 500 tấn. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 11.970 tỷ đồng, tăng 19,82%; tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 9.628 tỷ đồng, tăng 21,25%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 25.000 tỷ đồng. Thu ngân sách 3.400 tỷ đồng; chi ngân sách 1.509 tỷ đồng. Lượt khách du lịch 2 triệu lượt; thực hiện 10km đường giao thông nông thôn. Tiếp tục thực hiện đầu tư hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới các xã còn lại, phấn đấu 02 xã đạt nông thôn mới (Dương Tơ, Hàm Ninh).

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 11‰; Giảm hộ nghèo còn 0,28%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia 99,60% (*trừ Thổ Châu*); 91,36% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ nhân dân tham gia bảo hiểm y tế toàn dân 99%. Huy động trẻ em từ 3-5 tuổi đến trường 73% trở lên; từ 6-14 tuổi 99,50%. Giới thiệu và giải quyết việc làm từ 4.250 lao động trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40% trở lên. Tiếp tục xây dựng hoàn thành các khu dân cư, tái định cư Suối Lớn, Hàm Ninh, Bãi Thơm, xúc tiến đầu tư khu dân cư, tái định cư Cửa Cạn, Cửa Dương. Thực hiện công tác tuyển quân đạt 100%. Đảm bảo giữ vững diện tích rừng tự nhiên trên đảo theo quy hoạch.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, kích cầu đầu tư và tiêu dùng của địa phương.

Phát triển nông nghiệp hàng hoá, nông nghiệp sinh thái, xanh, sạch; ứng dụng công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy hoạch ổn định diện tích cây tiêu; xây dựng thương hiệu gắn với đa dạng sản phẩm nâng giá trị hạt tiêu. Trồng các loại cây ăn trái, rau màu, hoa, cây kiểng,... gắn với mô hình du lịch đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên đảo và khách du lịch. Chăn nuôi theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo môi trường sinh thái; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, đảm bảo cho ngành nông nghiệp phát triển bền vững, chuyển đổi mô hình sản xuất... góp phần đẩy nhanh công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng,

nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã đa dạng, đủ sức đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và ngoài nước. Sản đầu giữ vững chỉ tiêu sản xuất nước mắm được 12 triệu lít trở lên.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, các hoạt động xúc tiến thương mại và kích cầu du lịch; tăng cường tuyên truyền quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức thích hợp; nâng cao hình ảnh du lịch Phú Quốc, quảng bá các sản phẩm truyền thống độc đáo và hấp dẫn; tăng cường quản lý các hoạt động ngành du lịch, gắn với phát huy và bảo tồn các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; xây dựng và đa dạng hoá các sản phẩm du lịch; giới thiệu lịch sử anh hùng và văn hóa truyền thống đặc sắc của địa phương để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Sản đầu tổng lượng khách đến địa bàn đạt 2 triệu lượt người.

2. Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tiếp tục huy động có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng tạo sức lan toả và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái và môi trường xã hội.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021, tiết kiệm chi ngân sách, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, hạn chế tối đa xử lý bổ sung ngoài dự toán; thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tiền lương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tài chính, công tác xã hội hóa và huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở một số lĩnh vực văn hóa - thể dục thể thao, giáo dục, y tế; tăng cường công tác quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.

Các ngành và địa phương chủ động phối hợp và kịp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác thẩm định, thẩm tra thiết kế - dự toán, đấu thầu; thường xuyên đôn đốc, giám sát các đơn vị trực thuộc, nhà thầu đối với việc thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định; Tăng cường thanh, kiểm tra và kịp thời chấn chỉnh những yếu kém trong đầu tư xây dựng cơ bản, nâng lên chất lượng quản lý các công trình. Tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn, đồng thời tập trung chuẩn bị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện; Tiếp tục đẩy nhanh đầu tư hoàn thiện các khu tái định cư, dân cư; đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp điện đến các khu dân cư, khu du lịch. Nâng cao hơn nữa dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy, đường hàng không đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về môi trường, biến đổi khí hậu nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Vì môi trường Phú Quốc xanh, sạch, đẹp, an toàn và văn minh” và tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả ngày vì môi trường Phú Quốc; phát triển phòng trào trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục gắn chặt với mục tiêu phát triển của Phú Quốc.

Tổ Kiểm tra 3399 tiếp tục tập trung xử lý các vi phạm về đất đai, xây dựng, khoáng sản trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc các văn bản có liên quan (Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 10/2/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 511/UBND-KTCN ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh; Nghị Quyết số 02/NQ-HU ngày 09/9/2020

của Huyện ủy Phú Quốc về việc tăng cường lãnh đạo quản lý đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện Phú Quốc,...). Kịp thời phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về lấn chiếm đất rừng, đất nhà nước quản lý, xây dựng, khai thác khoáng sản trái phép.

Nâng cao năng lực kiểm lâm, quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, đảm bảo cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về cảnh quan môi trường, chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng.

Triển khai các chương trình bình ổn giá thị trường. Kiểm soát chặt chẽ giá cả các dịch vụ vận chuyển, lưu trú và ăn uống phục vụ du lịch tạo điều kiện thu hút, giữ khách du lịch, đồng thời, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng buôn lậu, kinh doanh trái phép, gian lận thương mại nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh và triển khai dự án đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện.

Tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hướng dẫn ngư dân khai thác đánh bắt hải sản có hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái biển để góp phần phát triển bền vững, không đánh bắt trái phép vùng biển nước ngoài theo Chỉ thị 2937/CT-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại tỉnh Kiên Giang. Thực hiện tốt việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ năm 2021 và triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc gia cầm.

3. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, công tác dân tộc và tôn giáo

Quan tâm phát triển sự nghiệp giáo dục, nhằm nâng cao mặt bằng dân trí và tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển. Tập trung xây dựng hoàn thiện hệ thống trường, lớp theo hướng kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia, chuẩn hóa các cơ sở giáo dục; Giữ vững và duy trì, nâng tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ, kiểm chế tỷ lệ lưu ban đến mức thấp nhất. Đa dạng hóa các loại hình giáo dục; đẩy mạnh xã hội hoá trong công tác giáo dục và đào tạo theo chuẩn quốc tế. Đặc biệt quan tâm đào tạo ngoại ngữ cho các cấp học, có chính sách khuyến khích học tập ngoại ngữ trong cộng đồng dân cư. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học và quản lý giáo dục.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, trong hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt cấp độ 3, 4 qua cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

Chỉ đạo tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Đầu tư xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động các thiết chế văn hoá - thể thao ở cơ sở; Chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Bảo tồn, phát huy và khai thác có hiệu quả các di tích

lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Phát triển mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; quan tâm nâng cao chất lượng, phát triển sâu, rộng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Đề xuất tỉnh trình UNESCO công nhận “Nghề truyền thống chế biến nước mắm Phú Quốc” là di sản văn hoá phi vật thể nhân loại.

Chú trọng chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Phối hợp tổ chức Hội thảo chuyên đề khoa học các cấp, đề tài nghiên cứu khoa học áp dụng trong việc chẩn đoán và điều trị; tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý tại Trung tâm y tế huyện, kết nối bệnh viện tuyến trên hỗ trợ trong việc chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh nhân tại cộng đồng; tiếp tục đào tạo trình độ ngoại ngữ, xây dựng đề án kết nối khám và điều trị cho người nước ngoài. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh theo hướng chuyên sâu và quản lý tốt y tế thông minh.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội. Tăng cường công tác đào tạo nghề, nhất là đối tượng bị thu hồi đất; chú trọng nâng cao chất lượng dạy nghề, gắn với giải quyết việc làm; tập trung đào tạo lao động có tay nghề phục vụ các khu du lịch trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; công tác quản lý người cai nghiện, sau cai nghiện ma túy và phòng chống mại dâm trên địa bàn. Chú trọng giải pháp giảm nghèo bền vững và hạn chế tái nghèo, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,28%.

Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách trong đồng bào dân tộc; tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc; tổ chức các ngày lễ, hội, gắn với quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; quan tâm thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tăng cường xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của kẻ địch, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, không để đột xuất, bất ngờ, điểm nóng. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao... đẩy lùi tệ nạn xã hội, kiềm chế tai nạn giao thông, chủ động phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án dân sự, hình sự; Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại với các huyện, thành phố và lực lượng vũ trang giáp biên Vương Quốc Campuchia, đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là những vấn đề mới phát sinh tại cơ sở, hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp. Thực hiện tốt công tác tiếp dân định kỳ, tăng cường đối thoại trực tiếp với

nhân dân của người đứng đầu cơ quan chính quyền. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan chính quyền trong trả lời đơn thư khiếu nại và các kiến nghị của cử tri.

5. Chỉ đạo tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí

Chuẩn bị tốt kế hoạch triển khai thực hiện đề án Thành phố Phú Quốc khi được công bố quyết định; Chỉ đạo sắp xếp kiện toàn bộ máy tổ chức, chuẩn bị đề án nhân sự để đảm bảo phù hợp và đủ sức để quản lý, điều hành mô hình chính quyền đô thị khi thành lập Thành phố Phú Quốc; Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiến đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm số lượng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đã quá hạn trên địa bàn và có giải pháp xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chuyên môn và xã, thị trấn để đảm bảo thực hiện có hiệu quả hơn trong thời gian tới, nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ và chất lượng cải cách thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghiên cứu thực hiện thí điểm thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện để giải quyết nhanh, gọn các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, từng bước xây dựng, triển khai, hoàn thiện chính quyền điện tử, vận hành tốt đề án thành phố thông minh; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả dự án chính quyền điện tử tạo sự liên thông giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết thủ tục hành chính được nhanh chóng, kịp thời, rõ trách nhiệm ở từng khâu; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Tiếp tục kiện toàn tinh gọn bộ máy, biên chế theo Chỉ thị số 1138/CT-TTg ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bản lĩnh, trong sạch, có phẩm chất đạo đức, có năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chính quyền. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cả về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và sự tận tụy với công việc; tăng cường công tác kiểm tra thực thi công vụ và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu trong giải quyết công việc liên quan đến doanh nghiệp và người dân.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về phòng chống tham nhũng theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, kịp thời ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Thực hiện dân chủ, công khai minh bạch trong quản lý

sử dụng tài chính công. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chỉ đạo thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế các cơ quan Đảng, Chính quyền, Đoàn thể trên lĩnh vực tài chính, ngân sách, đấu thầu, ưu đãi đầu tư... Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí.

Trên đây là báo cáo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của UBND huyện. Các ngành, các xã, thị trấn chủ động xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của đơn vị mình và nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra. *Thư*

Nơi nhận:

- VP.HĐND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TV.UBND huyện;
- BQL KKT PQ;
- Các phòng, ban ngành cấp huyện:
(Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP+CVNC;
- BP TN&TKQ huyện;
- BBT công thông tin điện tử;
- Lưu:VT, dpthanh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng

Tính đến cuối ngày 10/11/2020*(Gửi báo cáo năm 2020, chương trình tháng 1 và quý I/2021)*

STT	Tên đơn vị	Đã gửi	Ghi chú
2	Vườn Quốc gia Phú Quốc	X	
3	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia	X	
4	Hạt Kiểm lâm huyện	X	
5	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	X	
6	Tiểu khu 55	X	
7	Công an huyện	X	
8	Kho Bạc Nhà nước PQ	X	
9	Chi cục thuế	X	
10	Chi cục Thống kê	X	
11	Phòng Nội vụ	X	
12	Phòng Kinh tế	X	
13	Phòng LĐ-TBXH	X	
14	Phòng Giáo dục- Đào tạo	X	
15	Phòng TN-MT	X	
16	Phòng VH-TT	X	
17	Phòng Tài chính - Kế hoạch	X	
18	Phòng Quản lý đô thị	X	
19	Phòng Tư pháp	X	
20	Phòng Y tế	X	
21	Thanh tra huyện	X	
22	Trung tâm y tế huyện	X	
23	BQL DAĐTXD huyện	X	
24	BCĐ Xây dựng NTM	X	
25	Ban Quản lý di tích nhà tù PQ	X	
26	BQL Công trình Công cộng	X	

28	Trung tâm Văn hóa thể thao và truyền thanh	X	
29	Đội Quản lý thị trường số 4	X	
30	Đội Kiểm tra Trật tự đô thị	X	
31	Đoạn QL Đường bộ	X	
32	Ban bồi thường, HT & TĐC huyện PQ	X	
33	Trung tâm y tế	X	
34	Trung tâm GDNN-GDTX	X	
35	Trung tâm DV-CGKTNN	X	
36	Trung tâm VH TT&TT	X	
37	Trung tâm DS-KHHGD	X	
38	Hội Khuyến học		
39	Hội Chữ thập đỏ		
40	Bộ phận TN&TKQ huyện	X	
UBND các xã, thị trấn			
01	Thị trấn Dương Đông	X	
02	Thị trấn An Thới	X	
03	Xã Cửa Cạn	X	
04	Xã Cửa Dương	X	
05	Xã Gành Dầu	X	
06	Xã Dương Tơ	X	
07	Xã Bãi Thơm	X	
08	Xã Hàm Ninh	X	
09	Xã Hòn Thơm	X	
10	Xã Thổ Châu	X	

Thực hiện theo Công văn số 801/UBND-KT ngày 05/11/2020 của UBND huyện Phú Quốc.

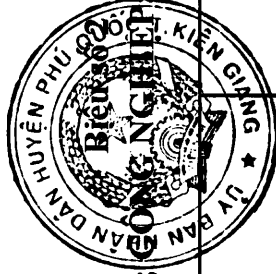


CÁC CHỈ SỐ KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Ước TH 2020 so với Kế hoạch	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn của một số ngành chủ yếu (theo giá 2010)	Tỷ đồng	27.197	27.742	19.640	21.272	72,21	70,80	108,31
	Trong đó:								
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản:	Tỷ đồng	4.348	4.387	4.403	4.549	101,26	100,36	103,32
	+ Nông nghiệp:	Tỷ đồng	244	193	152	155	62,30	78,76	101,97
	+ Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	52	44	45	46	86,54	102,27	102,22
	+ Thủy sản	Tỷ đồng	4.052	4.150	4.206	4.348	103,80	101,35	103,38
	- Công nghiệp- Xây dựng:	Tỷ đồng	22.849	23.355	15.237	16.723	66,69	65,24	109,76
	+ Công nghiệp:	Tỷ đồng	6.945	7.084	4.862	5.340	70,01	68,63	109,83
	+ Xây dựng:	Tỷ đồng	15.904	16.271	10.375	11.383	65,24	63,76	109,72
2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	46.650	50.000	32.653	38.573	70,00	65,31	118,13
	+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	7.146	8.360	7.941	9.628	111,13	94,99	121,25
	+ Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	16.800	18.425	9.990	11.970	59,46	54,22	119,82
	+ Dịch vụ khác	Tỷ đồng	22.704	23.215	14.722	16.975	64,84	63,42	115,30
3	Tổng sản lượng Tiêu	Tấn	755	670	675	500	89,40	100,75	74,07
4	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	202.893	205.000	214.618	201.000	105,78	104,69	93,65
	Trong đó: - Sản lượng nuôi trồng	Tấn	1.100	1.300	896	1.000	81,45	68,92	111,61
	- Sản lượng khai thác	Tấn	201.793	203.700	213.722	200.000	105,91	104,92	93,58
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.836	4.460	5.398	3.400	111,62	121,03	62,99

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Ước TH 2020 so với Kế hoạch	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
6	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	2.476	1.552	2.183	1.509	88,17	140,66	69,13
7	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	28.950	30.000	23.064	25.000	79,67	76,88	108,39
8	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường GTNT	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	Đường giao thông nông thôn	Km	10,71	12	8,391	10,00	78,37	69,93	119,18
9	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	2	8	4	6	200,00	50,00	150,00
	Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới	%	25,00	100,00	50,00	75,00	200,00	50,00	150,00
10	Tỷ lệ huy động trẻ từ 6-14 tuổi đến trường	%	100,00	100,00	99,91	99,50	99,91	99,91	99,59
	Trong đó: huy động trẻ từ 3-5 tuổi	%	60,60	70,00	69,83	73,00	115,23	99,76	104,54
11	Số người được giải quyết việc làm	Người	3.779	4.000	4.132	4.250	109,34	103,30	102,86
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47,00	50,00	37,00	40,00	78,72	74,00	108,11
13	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	11,50	11,00	11,15	11,00	96,96	101,36	98,65
14	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,38	0,37	0,28	0,28	74,44	75,83	100,00
	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	0,26	0,23	0,21	0,21	81,98	91,00	100,00
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	9,62	9,00	9,62	9,00	100,00	106,89	93,56
16	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	89,00	90,00	90,00	91,36	101,12	100,00	101,51
17	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia (trừ Thổ Châu)	%	95,00	98,95	99,50	99,60	104,74	100,56	100,10
18	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,00	99,00	92,15	99,00	93,08	93,08	107,43
19	Công tác tuyển quân	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
20	Số vụ tai nạn giao thông	vụ	12	<2019	11	<2020	91,67		
21	Sản lượng nước mắm (quy 30 độ đậm)	1000 lít	12.000	12.000	13.098	12.000	109,15	109,15	91,62
22	Tổng lượt khách du lịch	lượt	2.850.000	3.000.000	1.390.000	2.000.000	48,77	46,33	143,88
	Trong đó: Khách quốc tế	lượt	810.000	1.000.000	195.893	500.000	24,18	19,59	255,24

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP; CÔNG NGHIỆP; THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH



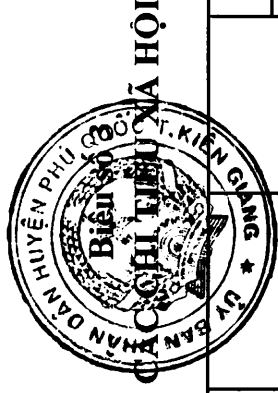
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	NÔNG - LÂM - THỦY SẢN							
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá SS2010)	Tỷ đồng	4.348	4.387	4.403	4.549	101,26	103,32
a)	Nông nghiệp:	"	244	193	152	155	62,30	101,97
	- Trồng trọt	"	146	116	90	91	61,48	101,11
	- Chăn nuôi	"	98	77	62	64	63,52	103,23
b)	Lâm nghiệp:	"	52	44	45	46	86,54	102,22
c)	Thủy sản:	"	4.052	4.150	4.206	4.348	103,80	103,38
	- Nuôi trồng	"	299	245	204	210	68,23	102,94
	- Khai thác	"	3.753	3.905	4.002	4.138	106,63	103,40
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu							
2.1	Rau màu							
	- Năng suất	T/ha	25,90	25,45	6,82	7,37	26,33	108,02
	- Sản lượng	Tấn	2.720	2.800	648	700	23,82	108,02
2.2	Hồ tiêu							
	- Năng suất	T/ha	1,94	1,91	2,21	1,67	114,32	75,31
	- Sản lượng	Tấn	755	670	675	500	89,40	74,07
2.3	Cây dừa							
	- Năng suất	T/ha	12,82	12,68	12,93	13,00	100,86	100,57
	- Sản lượng	Tấn	3.500	3.550	3.530	3.550	100,86	100,57

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
2.4	Cây điều							
	- Năng suất	T/ha	0,31	0,28	0,22	0,22	70,67	103,77
	- Sản lượng	Tấn	75	55	53	55	70,67	103,77
2.5	Cây ăn quả các loại							
	- Năng suất	T/ha	4,11	3,65	3,85	3,89	93,82	100,98
	- Sản lượng	Tấn	3.800	3.250	3.565	3.600	93,82	100,98
3	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu							
	- Đàn Bò	Con	2.395	2.399	2.647	2.900	110,52	109,56
	- Đàn heo	Con	4.516	5.500	5.298	6.000	117,32	113,25
	- Đàn gia cầm	1000 Con	168	168	135	150	80,54	110,86
	- Thịt hơi các loại	Tấn	328	335	345	365	105,18	105,80
	<i>Trong đó: Thịt lợn</i>	<i>Tấn</i>	176	180	185	195	105,11	105,41
4	Lâm nghiệp							
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	135	136	21	25	15,56	119,05
	- Diện tích rừng được chăm sóc bảo vệ	Ha	-	-	135	135		100,00
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	65,00	65,00	65,00	65,00	100,00	100,00
5	Thủy sản	Tấn	202.893	205.000	214.618	201.000	105,78	93,65
	- Sản lượng khai thác	Tấn	201.793	203.700	213.722	200.000	105,91	93,58
	- Sản lượng nuôi trồng	Tấn	1.100	1.300	896	1.000	81,45	111,61
	Một số sản phẩm chủ yếu:							
	- Nuôi cá	Tấn	866	1.000	801	900	92,49	112,36
	- Thủy sản khác	"	77	300	95	100	123,38	105,26
	- Ngọc trai	1000 viên	142	150	92	95	64,79	103,26
6	Phát triển nông thôn							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	94,00	98,50	96,25	98,50	102,39	102,34
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	17	19	18	19	105,88	105,56
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2	8	4	6	200,00	150,00
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	25,00	100,00	50,00	75,00	200,00	150,00
B	CÔNG NGHIỆP							
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	6.945	7.084	4.862	5.340	70,01	109,83
	- Công nghiệp khai khoáng	"	34	30	20	21	58,82	105,00
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	6.815	6.937	4.791	5.264	70,30	109,87
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	"	64	75	36	38	56,25	105,56
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	32	42	15	17	46,88	113,33
2	Một số sản phẩm chủ yếu:							
	Khai thác đá	1000m3	150	150	105	107	70,00	101,90
	Nước mắm (30% đậm)	1000 lít	12.000	12.000	13.098	12.000	109,15	91,62
	Cá khô các loại	Tấn	1.600	1.100	1.348	1.400	84,25	103,86
	Mực khô	Tấn	1.340	1.000	1.171	1.200	87,39	102,48
	Mực ướp đông	Tấn	6.080	6.000	5.720	6.000	94,08	104,90
	Tôm khô	Tấn	423	450	439	450	103,78	102,51
	Bánh mì	Tấn	352	380	340	350	96,59	102,94
	Bánh các loại khác	Tấn	1.007	1.050	806	850	80,04	105,46
	Nước đá	Tấn	105.111	105.500	98.410	99.500	93,62	101,11
	Rượu trắng	1000 lít	602	620	700	720	116,28	102,86
	Máy đo quần áo	1000 sp	396	400	433	450	109,34	103,93
	Gỗ xẻ thành phẩm	m3	6.200	5.200	4.150	4.350	66,94	104,82
	Mộc gia dụng	Sản phẩm	4.371	3.000	3.281	3.450	75,06	105,15

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm			Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
	Gạch nung	1000 V	10.000	10.000	11.377	12.515	113,77	110,00	
	Đóng tàu	Chiếc	2	3	-	-	-	-	
	Sửa chữa tàu	Chiếc	2.038	2.000	2.384	2.400	116,98	100,67	
	Điện thương phẩm	1000 kwh	445.000	550.000	380.825	418.900	85,58	110,00	
	Nước máy	1000 m3	5.860	6.250	5.562	5.711	94,91	102,68	
	Sản xuất sản phẩm kim loại	Tấn	9.100	9.200	8.250	8.675	90,66	105,15	
	Sản xuất bê tông và cấu kiện bê tông	1000 m3	9.450	9.500	10.147	11.200	107,38	110,38	
C THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống (giá hiện hành)	Tỷ đồng	46.650	50.000	32.653	38.573	70,00	118,13	
	Trong đó: - Tổng mức bán lẻ hàng hoá	"	7.146	8.360	7.941	9.628	111,13	121,25	
	- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống	"	16.800	18.425	9.990	11.970	59,46	119,82	
	- Doanh thu dịch vụ khác	"	22.704	23.215	14.722	16.975	64,84	115,30	
2	Xuất, nhập khẩu hàng hóa								
2.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	3,73	8,00	10,34	12,30	277,48	118,97	
	- Hàng công nghiệp	"	0,99	2,12	0,22	0,30	21,81	139,53	
	- Hàng khác	"	2,74	5,88	10,12	12,00	369,49	118,53	
2.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	96,17	150	24,69	35,00	25,67	141,77	
	- Hàng tư liệu sản xuất	"	82,28	128	24,69	30,00	30,00	121,52	
	- Hàng tư liệu tiêu dùng	"	13,88	22		5,00			
3	Du lịch								
a)	Tổng số lượt khách	Lượt người	2.850.000	3.000.000	1.390.000	2.000.000	48,77	143,88	
	- Các khu, điểm du lịch	"	872.000	900.000	390.000	612.000	44,72	156,92	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
	- Các đơn vị kinh doanh du lịch	"	1.878.000	2.000.000	1.000.000	1.388.000	53,25	138,80
	<i>Trong đó: Khách trong nước</i>	"	2.040.000	2.000.000	1.194.107	1.500.000	58,53	125,62
	<i>Khách quốc tế</i>	"	810.000	1.000.000	195.893	500.000	24,18	255,24
b)	Thời gian lưu trú bình quân	Ngày/khách	3,00	3,03	2,90	2,98	96,66	102,63
	- Khách trong nước	"	2,80	2,80	2,80	2,80	100,00	100,00
	- Khách quốc tế	"	3,50	3,50	3,50	3,50	100,00	100,00
c)	Tổng ngày khách các đơn vị KDDL	Ngày	8.547.000	9.100.000	4.029.125	5.950.000	47,14	147,67
	Khách trong nước	"	5.712.000	5.600.000	3.343.500	4.200.000	58,53	125,62
	Khách quốc tế	"	2.835.000	3.500.000	685.626	1.750.000	24,18	255,24
e)	Cơ sở vật chất							
	Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	626	635	700	720	111,82	102,86
	Tổng số phòng	Phòng	23.603	24.250	20.000	20.500	84,73	102,50



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	DÂN SỐ							
	- Dân số trung bình	Ngàn người	146.214	150.436	144.460	148.072	98,80	102,50
	Trong đó: - Dân số thành thị	"	76.420	78.627	76.837	78.758	100,55	102,50
	- Dân số nông thôn	"	69.797	72.271	67.623	69.314	96,89	102,50
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	105,00	105,00	105,00	105,00	100,00	100,00
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	11,50	11,00	11,15	11,00	96,96	98,65
	- Tỷ lệ sinh	‰	16,00	15,75	15,88	15,65	99,22	98,58
	- Giảm tỷ lệ sinh hàng năm	‰	0,25	0,25	0,25	0,25	100,00	100,00
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM							
1	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Người	83.000	85.000	82.000	84.000	98,80	102,44
2	Số người không có hoạt động kinh tế	"	25.150	23.000	24.800	25.400	98,61	102,42
3	Số người có hoạt động kinh tế	"	57.850	62.000	57.000	58.350	98,53	102,37
4	Lao động đang làm việc trong nền KTQD (Lao động từ 15 tuổi trở lên)	"	57.850	62.000	57.000	58.390	98,53	102,44
	Trong đó: + Nông - Lâm - Ngư nghiệp	"	16.850	17.000	16.600	17.000	98,52	102,41
	+ Lao động Công nghiệp - Xây dựng	"	10.000	11.000	9.855	10.100	98,55	102,49
	+ Lao động dịch vụ	"	31.000	34.000	30.545	31.290	98,53	102,44
5	Số người thất nghiệp	"	500	400	493	500	98,53	101,49
	+ Tỷ lệ thất nghiệp	%	0,60	0,47	0,34	0,34	56,61	99,02

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
6	Tổng số lượt LĐ được tạo việc làm	Lượt người	3.779	4.000	4.132	4.250	109,34	102,86
	<i>Trong đó: + Trong tỉnh</i>	"	3.343	3.500	3.655	3.850	109,34	105,33
	<i>+ Ngoài tỉnh</i>	"	436	500	477	400	109,34	83,91
	<i>+ Xuất khẩu lao động</i>	"						
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47,00	50,00	37,00	40,00	78,72	108,11
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	35,00	40,00			-	#DIV/0!
III	GIẢM NGHÈO (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)							
	- Tổng số hộ trên địa bàn	Hộ	43.333	43.333	44.356	44.356	102,36	100,00
	- Số hộ nghèo	Hộ	163	160	124	124	76,07	100,00
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,38	0,37	0,28	0,28	74,32	100,00
	- Số hộ thiếu đói trong năm	Hộ	-	-	-	-	-	-
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,32	0,01	0,10	-	30,46	-
	- Số hộ cận nghèo	Hộ	111	100	93	93	83,78	100,00
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	0,26	0,23	0,21	0,21	81,85	100,00
	- Số hộ thoát nghèo	Hộ	60	11	18	-	30,00	-
	- Số hộ tái nghèo	Hộ	4	-	-	-	-	-
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIỆT YẾU							
	- Tổng số xã của toàn huyện/thành phố	Xã	8	8	8	8	100,00	100,00
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã						
	+ Số xã biên giới	Xã	3	3	3	3	100,00	100,00
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	8	8	8	8	100,00	100,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	+ Số xã có trạm y tế	Xã	8	8	8	8	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	+ Số xã phường có nhà văn hóa, thư viện	Xã	6	6	6	6	100,00	100,00
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	8	8	8	8	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	+ Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm						
	+ Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	Xã	8	8	8	8	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ	41.166	42.878	44.134	44.178	107,21	100,10
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	95,00	98,95	99,50	99,60	104,74	100,10
	- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%						
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước hợp vệ sinh	%	89,00	90,00	90,00	91,36	101,12	101,51
V	Y TẾ - XÃ HỘI							
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,00	99,00	92,15	99,00	93,08	107,43
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,36	26,59	33,64	33,77	122,98	100,37
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	6,00	7,00	8,45	8,78	140,75	103,96
	- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	8	8	8	8	100,00	100,00
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	9,62	9,00	9,62	9,00	100,00	93,56

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường	8	8	8	8	100,00	100,00
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
VI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO								
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	27.811	30.910	30.361	31.120	109,17	102,50
	+ Mẫu giáo	Học sinh	4.658	4.950	5.021	5.147	107,79	102,50
	+ Tiểu học	Học sinh	12.398	14.500	13.505	13.843	108,93	102,50
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	7.271	7.650	8.371	8.580	115,13	102,50
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	3.484	3.810	3.464	3.551	99,43	102,50
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	60,60	70,00	69,83	73,00	115,23	104,54
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:							
	+ Tiểu học	%	100,00	100,00	99,91	99,50	99,91	99,59
	+ Trung học cơ sở	%	88,56	89,00	99,68	99,70	112,56	100,02

TRƯỜNG VẤPH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch
1	2	3	4	5
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	93,00	
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*)	%		
3	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	Khu		
4	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu		
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%		

Ghi chú: Giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

CÁC CHỈ TIÊU PHÁP TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước cả năm		Ước TH 2020 so với năm 2019	Kế hoạch 2021 so với ước TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Hợp tác xã							
1	Tổng số hợp tác xã trên địa bàn	HTX	13	15	15	17	115,38	113,33
	Trong đó:							
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2	2	2	2	100,00	100,00
	Số hợp tác xã giải thể	HTX						
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	252	270	268	288	106,35	107,46
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	252	270	268	288	106,35	107,46
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã		252	270	268	288	106,35	107,46
4	Tổng doanh thu của hợp tác xã	Triệu đồng						
5	Thu nhập bình quân người lao động hợp tác xã	Triệu đồng						
II	Liên minh hợp tác xã							
	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX						
	Trong đó: Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	LHHTX						
III	Tổ hợp tác							
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	19	20	18	20	94,74	111,11
	Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	Tổ hợp tác	6	7	9	11	151,58	122,22